

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HOÁ TÂM LINH CỦA NGƯỜI KHƠ ME HIỆN NAY DƯỚI GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC

HOÀNG MẠNH ĐOÀN

1. Những đặc điểm tâm lý của người Khơ me

Người Khơ me Nam Bộ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn Khơ me (ngữ hệ Nam Á)⁽¹⁾. Họ là cư dân trong cộng đồng vương quốc Chân Lạp từ TK VIII đến TK XIII. Cũng có ý kiến cho rằng người Khơ me là cư dân văn hoá Óc eo, họ bị ảnh hưởng mạnh bởi văn hoá Ấn Độ. Khi đế quốc Xiêm La xâm chiếm Chân Lạp (từ TK XIII trở đi), Phật giáo Tiểu Thừa từ Xiêm La đã tràn vào và ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng người Khơ me⁽²⁾.

Hiện nay, người Khơ me có khoảng hơn 800.000 người, sống chủ yếu ở 3 khu vực:

- Khu vực Sóc Trăng (cũ) (Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi), Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau.
- Khu vực ven biển Vĩnh Long, Trà Vinh (cũ)
- Khu vực An Giang, Tiền Giang (cũ)

Có một số nơi, người Khơ me cư trú rất đông (xem Bảng 1).

Bảng 1: Số lượng người Khơ me sinh sống ở một số tỉnh

TT	Tỉnh	Dân số (người)	Số lượng người Khơ me
1	Trà Vinh	966.949	290.932
2	Sóc Trăng	1.172.404	338.269
3	Kiên Giang	1.447.639	182.058

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999, Nxb, Thống kê, H.2001, tr.77, 78, 80, Nxb Hà Nội.

¹ UB KHXH Việt Nam – Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam, các tỉnh phía Nam*. Nxb. KHXH, H, 1984, tr: 7

² Viện văn hoá. *Văn hoá Khơ me vùng ĐBSCL*. Nxb. VHDT, H, 1993

* Đặc điểm tâm lý của người Khơ me:

- Thích sống quần tụ với nhau thành các phum, sóc (*srok*); cũng có một số rất ít sống ở quanh các thị trấn, thị xã.

- Thường làm nhà trên các sườn đồi (độ cao cách mặt ruộng khoảng 5m).

- Sống đoàn kết, giúp đỡ nhau để sản xuất, trồng trọt và chăn nuôi (người Khơ me chủ yếu làm nghề nông và trồng hoa màu: ngô, sắn; nuôi trâu, bò, gia cầm).

- Tôn trọng già làng (trưởng phum, sóc), người thông thạo chữ viết, phong tục, tập quán Khơ me.

- Cả tin, ghét già dối.

- Hiếu nghĩa với tổ tiên (cúng tổ tiên được tổ chức long trọng vào ngày lễ Xen Đôn Ta; cúng chung, cả phum sóc).

- Rất nhiệt tình, tự giác trong công việc chung, nhất là các dịp lễ, cúng Phật, dâng cơm sư sãi, lễ cầu phước, lễ Dâng Bông (hay lễ dâng áo cà sa lên các sư sãi).

- Hoàn toàn tin và theo Phật giáo Tiểu Thừa, tự nguyện đến với Phật.

2. Một số vấn đề về văn hoá tâm linh của người Khơ me

2.1 Quan niệm về âm, dương

Thông thường những người làm nghề nông, trồng trọt và chăn nuôi đều thờ, cúng trời đất để âm, dương hoà hợp, mưa thuận, gió hoà tạo điều kiện thuận lợi cho họ sản xuất, chăn nuôi. Nhưng ở người Khơ me, cũng là cư dân nông nghiệp mà ý niệm về Trời (dương sinh) không được biểu lộ, họ chỉ coi trọng Đất (âm sinh).

Đối với người Khơ me, Đất quan trọng hơn Trời; đất, nước hàng ngày gắn liền với họ cả

trong sinh hoạt và sản xuất. Lễ đón mừng năm mới *Chol chnăm thmây* có tục quanh sân chùa, nhân dân thi nhau đắp núi cát (cát là đất-yếu tố âm); hay lễ hội được mùa (*Oóc om bok*) có tục đua ghe ngo trên sông, một sinh hoạt văn hoá thể thao ở nhiều vùng đồng bào Khơ me cư trú. Đồng bào Khơ me quan niệm rằng, lễ hội này thể hiện lòng cảm ơn nước (yếu tố âm) đã cho họ được mùa.

Một biểu hiện khác là các sư sãi đi khất thực bằng bình bát màu đen, màu của nước (thuộc yếu tố âm).

Người Khơ me quan niệm các con số cũng nặng triết lý âm sinh. Họ quan niệm các số chẵn là số âm, các số lẻ là số của ma, là số lửa dễ xảy ra xung đột⁽³⁾. Lễ đón đầu ở người Khơ me không đi vào ngày lẻ (ngày xúi quẩy – vợ chồng không hoà thuận). Lễ vật nhà trai dẫn sang nhà gái cũng là chẵn, thường là 4, như 4 nải chuối, 4 chai rượu, 4 gói trà, 4 gói trâu. Số 4 là biểu hiện 4 phương trời quanh núi vũ trụ Mèru trong Bà la môn giáo, được Ấn Độ giáo và Phật giáo tiếp thu truyền đến cho người Óc eo trước đây, còn ảnh hưởng lại đến người Khơ me ngày nay⁽⁴⁾.

Ở người Khơ me, Thần Đất cũng được biểu hiện ở dạng nữ: tóc xoã dài, xiêm áo đẹp. Ở trong các chùa, tượng thần đất thường đứng sau bệ tượng Thích Ca, với nghĩa, khi Phật tu thành đạo, ma vương đến tranh ngôi thứ, bất Phật phải chứng minh tu thành đạo thực sự là công tu luyện của Phật. Phật đã úp bàn tay trái (âm) trên đầu gối, các ngón tay xoè ra chỉ xuống đất, thần đất hiện lên chứng giám, tóc xoã thành thác nước (âm) cuốn trôi ma vương, bảo vệ Phật⁽⁵⁾.

2.2. Quan niệm về tang lễ, cúng tổ tiên

Ở người Khơ me, người chết được hoá táng, nhưng cũng có trường hợp thổ táng - đó là những trường hợp chết do tai nạn, bất đắc kỳ tử, nhà nghèo không lo được hoá táng.

Trước khi đưa đi hoá táng, quan tài người chết được quàn ở trong nhà, trên nắp quan tài thấp 3 cây đèn cày (nến). Quan niệm của người Khơ me: Những ngọn nến đó là ngọn lửa chứng giám cho người quá cố đã mãn đời. Cây thứ nhất tượng trưng cho Đức Phật chứng giám (*Preh puth*), cây thứ hai tượng trưng cho đạo đức trong sạch (*Preh tho*), cây thứ ba tượng trưng cho chân tu theo Phật (*Preh soong*).

Khi quan tài còn ở trong nhà, gia đình người chết chôn một cột cao, trên treo lá cờ trắng vẽ hình cá sáu, ý nghĩa là để xua đuổi *chàng* (yêu quái), không cho đến quấy nhiễu linh hồn người chết.

Theo quan niệm của người Khơ me, tang lễ gắn liền với sinh tử. Người Khơ me có câu: "*Ruos puhơ robos slăp pnơ chươg*" nghĩa là: Sống gửi của, chết gửi xương. Sống không tiếc công tiếc của dâng cúng lên chùa, mong chết gửi xương cốt trong tháp nhà chùa; hoặc "*Kropay ngoap chaol sbek monus bonsal tuk kê chhnó muos Loo*", nghĩa là: Trâu chết để da, người chết để tiếng khen.

Người Khơ me quan niệm: chết là hệ quả của nội dung sống chết mong có tiếng khen, tránh tiếng chê. Sống đắp núi phước cống hiến nhiều cho sư sãi, cho chùa để khi chết được "mát mẻ dưới bóng bồ đề".

Như vậy, đối với người Khơ me, sống hoà vào Phật, chết cũng hoà vào Phật. Linh hồn người chết theo Phật, ở chùa chứ không về nhà che chở, phù hộ cho con cháu. Chính vì vậy, người Khơ me không cúng tổ tiên tại nhà, không có bàn thờ tổ tiên trong nhà. Lễ cúng tổ tiên, ông bà được

³ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sdd, tr 254 - 255

⁴ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sdd, tr 254 - 255

⁵ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sdd, tr 254 - 255

quy tụ chung cho tất cả phum, sóc, đó là ngày lễ Xen Đôn Ta (chim tổ tiên).

2.3. Quan niệm về ngôi chùa, đạo Phật và các thần linh

* Quan niệm về ngôi chùa:

Đối với người Khơ me, những ngôi chùa là đỉnh cao của thăng hoa tôn giáo. Chùa là nơi Phật ngự, là nơi thiêng liêng nhất. Hiện nay, chùa là nơi tập trung nhân dân đông nhất, nhiều nhất, ở đó thể hiện khả năng kinh tế, trình độ nghệ thuật, đặc điểm văn hoá của các cộng đồng phum, sóc. Chính vì vậy, các phum, sóc thi nhau làm đẹp cho chùa. Họ quan niệm rằng: làm đẹp cho chùa là hướng về Phật, sống với Phật, tất cả vì Phật, là “làm cho lòng mình sung sướng nhất”.

Hiện nay, theo số liệu thống kê của Sở văn hoá thông tin các tỉnh có người Khơ me cư trú thì ở Nam Bộ có số lượng chùa khá lớn.

Bảng 2: Số lượng chùa ở một số tỉnh Nam Bộ

Địa danh	Số lượng chùa (ngôi)	Xếp thứ tự
Các tỉnh ở Nam Bộ	450	
- Trà Vinh	142	1
- Sóc Trăng	89	2
- Kiên Giang	70	3
- An Giang	68	4
- Cần Thơ	26	5

Chùa Khơ me hầu hết được xây dựng theo chiều dọc kiến trúc, hai bên sườn mở cửa sổ, cửa ra vào chính bao giờ cũng ở đầu nhà phía Đông. Người Khơ me quan niệm: Phật ở phía Tây, nhìn về hướng Đông ban phước⁽⁶⁾.

Cổng chùa được đổ mái bằng, trên mái bằng xây 3 cây tháp, cây tháp ở giữa có 5 tầng, hai cây

tháp ở hai bên, mỗi cây 3 tầng. Người Khơ me quan niệm : tháp 5 tầng nghĩa là 5 kiếp đời Thích Ca và tháp 3 tầng là Phật, Pháp, Tăng.

* Quan niệm về Đạo Phật

Về đạo Phật, người Khơ me quan niệm: Đạo Phật là học thuyết trí tuệ, nhờ trí tuệ mà diệt trừ vô minh, ngu tối, mầm mống của tội ác. Quan niệm này thể hiện ở tượng Thích Ca ngồi toạ thiền, xếp bằng trên đài sen, đôi mắt khép hờ nhìn xuống soi rọi nội tâm. Hai bàn tay để ngửa, đặt chồng lên nhau, biểu hiện sức mạnh nội tâm.

Một quan niệm khác, thuy tổ của họ là loài rắn. Rắn được người Khơ me tôn là vua. Vua rắn Naga giữ một chiếc răng của Phật, nên trên điện thờ Phật có tượng Thích Ca ngồi trên bệ tam cấp (là 3 vùng thân rắn Naga cuộn tròn). Rắn thể hiện 5, 7 hoặc 9 đầu xoà thành tán che trên đầu Phật.

* Quan niệm về thần linh

Quan niệm về thần linh của người Khơ me hiện nay vẫn còn mang tính chất “vạn vật hữu linh”, “bách vật giáo” nghĩa là mọi sự đều có thần linh như: thần phum, sóc (*Neah Ta Meha Sros*), thần chùa (*Neah Ta Watt*), thần ao, hồ, sông (*Neah Ta Ta chay*), thần cây chôm chôm (*Neah Ta Sâm rông*), thần cây đa (*Neah Ta Đom chrey*) v.v... gọi chung là *Neah Ta* (ông tà).

Biểu tượng thờ các thần thường là một hòn đá hoặc một vài hòn đá hình bầu dục. Người Khơ me quan niệm đá là công cụ kỳ diệu, rất linh thiêng, đá là cột nối đất với trời⁽⁷⁾.

Bên cạnh thờ *Neah Ta*, người Khơ me còn thờ *Arak* (thần bảo vệ), *Arak Chou bao* (thần bảo vệ dòng họ), *Arak Rhum* (thần bảo vệ vùng đất), *Arak Preay* (thần bảo vệ rừng), *Arak Phteah* (thần bảo vệ nhà) v.v... Biểu tượng thờ *Arak*

⁶ Nguyễn Đăng Duy. Văn hoá tâm linh Nam Bộ, Sđd, tr 234

⁷ Người Khơ me có tục yểm bùa đá trong lễ khánh thành chùa

thường bằng khánh đá treo trên vách, trên khánh đặt trái dừa khô làm bình cắm hương (nhang), đèn nến hình tháp (bông sen) và một cái đĩa bằng bẹ dừa.

Khi gia đình có người ốm, đau, tai nạn, chủ nhà cúng *Arak* (có mời thầy cúng)... Họ hy vọng *Arak* sẽ bảo vệ họ, giúp họ tai qua nạn khỏi.

Như vậy, tâm linh ở người Khơ me không có biểu tượng chính thống, không đồng nhất, mỗi trường hợp, mỗi hiện tượng được thờ thần khác nhau. Đây là biểu hiện đặc thù về văn hoá tâm linh của người Khơ me.

2.4. Ở người Khơ me không có sư nữ, người con trai mới sinh ra đã là một tín đồ của Phật giáo Tiểu Thừa

Khảo sát thực tế ở một số tỉnh Nam Bộ có đông bào Khơ me cư trú chúng tôi thấy: ở người Khơ me sư khá nhiều, nhưng chỉ là nam giới, không có sư nữ. Hiện tượng đó, được người Khơ me lý giải là: khi còn sống, khi đang thuyết pháp truyền đạo, ngài Thích Ca cho rằng phụ nữ là nguồn gốc của mọi dục vọng đau khổ, không chấp nhận cho phụ nữ tu Phật. Ngài Anan (sau này là vợ tổ thứ hai của đạo Phật) đã đề nghị với Thích Ca, phụ nữ máu cũng đỏ, nước mắt cũng mặn như đàn ông, sao lại phân biệt, không cho đi tu Phật. Thích Ca chấp nhận để phụ nữ đi tu theo Phật. Nhưng chỉ phát triển ở dòng Phật giáo Đại Thừa, còn ở Phật giáo Tiểu Thừa, chỉ tôn thờ một đức Phật Thích Ca, không chấp nhận phụ nữ vào chùa tu Phật. Đây cũng là một đặc thù của Phật giáo Tiểu Thừa.

Còn người con trai Khơ me mới sinh ra đã là một tín đồ của Phật giáo Tiểu Thừa, được người Khơ me giải thích rằng: Đối với Phật giáo Tiểu Thừa, từ xưa đến nay, dù ở tại gia thì người con trai cũng đã có một thời gian lên chùa tu hành theo Phật, tu luyện theo cách tự giác ngộ, không có giác tha, không có người khác giúp đỡ mình giác ngộ (kể cả bố mẹ). Đối với người con trai

Khơ me, chỉ có Phật mới giác ngộ cho họ. Con trai Khơ me được khuyến khích vào chùa tu hành từ lúc còn là vị thành niên (thông thường từ 12 tuổi, nhưng cũng có trường hợp từ 6 tuổi) đã vào chùa tu hành, đã quy y khoác áo sư sãi màu vàng và địa vị xã hội đã thay đổi. Mọi người (kể cả ông bà, bố mẹ) khi gặp đều phải ngả nón, bỏ khăn, xếp ô (dù) chấp tay vái lạy. Cha mẹ rất phấn khởi vì con mình đã thành tăng (một trong 3 tam bảo: Phật, Pháp, Tăng).

Thời gian người con trai Khơ me tu Phật không cố định, có khi chỉ là một đêm, nhưng có khi cả cuộc đời. Đối với họ vào chùa tu Phật vừa là nghĩa vụ vừa là vinh dự; vào chùa tu là để trả ơn, hiếu cha mẹ.

Tóm lại, đặc điểm tâm lý và tâm linh của người Khơ me hiện nay tuy đã có thay đổi, có nhiều điểm, nhiều tập tục đã được lược bỏ, nhưng cũng còn một số vấn đề còn lưu giữ, ảnh hưởng cho đến hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu đặc điểm tâm lý và văn hoá tâm linh của người Khơ me, nắm được tâm tư, nguyện vọng và thực trạng biểu hiện của họ, từ đó có những giải pháp phù hợp, nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng nước Việt Nam vững mạnh về mọi mặt trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập Quốc tế là có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn./

Tài liệu tham khảo

1. Viện Dân tộc, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1984.
2. Viện văn hoá, *Văn hoá Khơ me vùng Đông bằng sông Cửu Long*, VHDT, 4, 1993.
3. Mạc Đường, *Quá trình phát triển dân cư dân tộc ở ĐBSCL*. Tạp chí NCLS số 32/1988.
4. Nguyễn Đăng Duy, *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Nxb Hà Nội, 1997.
5. Sorya, *Lễ hội Khơ me Nam Bộ*, VHDT Hà Nội, 1988.